

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **119/2019/HS-ST**.
Ngày 13 - 3 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn ChA.

Bà Phạm Thị Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Tuấn N**, sinh năm 1983 tại H (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm 10, thôn Đ, xã Đ, Huyện M, thành phố H

Chỗ ở hiện nay: 31, tổ 14B, khu phố 2, phường B, thành phố B tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam ; con ông Trần Anh C, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1961, vợ Nguyễn Thị Thu H (đã mất năm 2013) và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ ngày 04/10/2018, cHện tạm giam theo lệnh số: 512 ngày 12/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Họ và tên: **Nghiêm Văn A**, sinh năm 1992 tại H (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, Huyện M, thành phố H.

Nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Nghiêm Văn T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, vợ Cà Thị Kim O sinh năm 1994 và chưa có con ; tiền án: ngày 18/3/2014, bị Tòa án nhân dân Huyện M, thành phố H xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 04/10/2018, cHển tạm giam theo lệnh số: 514 ngày 12/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

3. Họ và tên: **Bùi Trung L**, sinh năm 1989 tại H (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, phường T, quận B, thành phố H.

Nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trung T, sinh năm 1966 và bà Chu Thị C, sinh năm 1967; chưa có vợ, con.

Tiền án:

- Ngày 04/3/2008, bị Tòa án nhân dân Huyện T, thành phố H xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Cướp tài sản”.

- Ngày 25/10/2010, bị Tòa án nhân dân Huyện T, thành phố H xử phạt 06 năm tù giam về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án năm 2008, buộc Bùi Trung L chấp hành hình phạt 09 năm tù.

Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 04/10/2018, cHển tạm giam theo lệnh số: 513 ngày 12/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1996 tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 135, tổ 11, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 103/3, tổ 11, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1971; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ ngày 04/10/2018, cHển tạm giam theo lệnh số: 515 ngày 12/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

- *Bị hại:* Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: C13, khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Văn Đ, ngụ tại C31, khu phố 4, phường B, thành phố B quen biết với Trần Tuấn N. Khoảng tháng 8 năm 2018, anh Đ có vay của N số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), với lãi suất 100.000 đồng/ngày (Một trăm nghìn đồng/ngày) và thế chấp lại cho N 01 xe mô tô hiệu Super Dream, biển số 60F2-627.14 với hình thức là anh Đ viết giấy bán xe cho N, khi nào trả hết tiền cho N thì anh Đ sẽ lấy lại xe. Sau đó, do cần có phương tiện đi lại nên anh Đ xin thuê lại chiếc xe trên với giá 100.000 đồng/ngày (Một trăm nghìn đồng ngày) thì N đồng ý và giao xe cho anh Đ nhưng Nghĩa giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau khi thuê xe, do không có tiền nên anh Đ trA né không trả

lãi và tiền thuê xe cho N như đã thỏa thuận. Sau đó, N đã nhờ Bùi Trung L và Nghiêm Văn A đi tìm anh Đ để đòi nợ nhưng anh Đ thay đổi số điện thoại và né trA nên L và A không tìm gặp được anh Đ. Đến đầu tháng 10 năm 2018, A quen biết với Nguyễn Đức H (là bạn của anh Đ) và A nói cho H biết việc anh Đ thiếu nợ N và nhờ H tìm anh Đ để đưa anh Đ về nhà N trả tiền cho N thì H đồng ý. Khoảng 03 giờ ngày 04/10/2018, H nhắn tin cho anh Đ qua facebook giả vờ rủ anh Đ gặp nhau cùng sử dụng ma túy thì anh Đ đồng ý và H đến phòng trọ của A báo cho A biết rồi A gọi điện thoại báo cho L nên L điều khiển 01 xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số) đến cho H mượn để đi gặp anh Đ. Sau đó, L thuê anh Nguyễn Quang H, ngụ tại khu phố 4, phường T, thành phố B (là người chạy xe ô tô dịch vụ chở khách) điều khiển xe ô tô hiệu Mazda 3, biển số 60A-357.37 chở L, A cùng Nguyễn Văn Đ, ngụ tại thôn Đ, xã Đ, Huyện M, thành phố H đi đến điểm hẹn của H. Khoảng 04 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số) đến gặp anh Đ tại khu vực xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai rồi giả vờ nói với anh Đ cùng H đi về ngã tư Vũng Tàu gặp N để giải quyết việc anh Đ thiếu nợ N. Tưởng H nói thật nên anh Đ đồng ý và cùng H đi đến 01 quán nước ven đường ở ngã tư Vũng Tàu thuộc khu phố 10, phường A, thành phố B. Tại đây, H gọi điện thoại báo cho A và L biết địa điểm nên L kêu anh H chở L, Đạt, A đến gặp anh Đ. Khi thấy anh Đ thì L, A và Đ xuống xe đi lại chỗ anh Đ ngồi và L rút trong người 01 con dao tự chế dài khoảng 50 cm, Đ cầm 01 con dao bấm dài khoảng 15 cm đến không chế lòi anh Đ ra ngoài đi đến chỗ xe ô tô của anh H rồi Đ và A ép anh Đ lên xe ô tô và kêu anh H chở về nhà N tại số 31, tổ 14B, khu phố 2, phường B, thành phố B, còn H điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số) chở L đi theo sau, trên đường đi L đã vứt bỏ con dao tự chế. Khi đến nhà N, L đi vào nhà gọi N dậy và cả nhóm đưa anh Đ vào nhà và đóng cổng, cài chốt bên trong (phía trên cổng có hàng rào lưới B40 che kín lên tới mái tôn nhà vòm), sau đó Nghĩa, L, A dùng tay chân đánh Đức, Đạt cầm dao bấm đâm sượt vào mu bàn tay trái của anh Đ và dùng 01 sợi dây xích bằng sắt dài 1,3 m đánh anh Đ, lúc này anh H đi vào tìm N lấy tiền thuê xe thì N nói với anh H sẽ trả sau nên anh H đi về. Sau khi đánh anh Đ, N yêu cầu anh Đ gọi người nhà tới giải quyết tiền nợ cho N thì mới cho anh Đ đi về rồi cả nhóm để anh Đ ngồi tại phòng khách và cùng canh giữ để chờ người nhà anh Đ tới. Do bị bắt giữ và bị đánh nên anh Đ nhắn tin cho chị Nguyễn Thị Bích N (là chị gái của Đ) nhờ trình báo Công an, sau đó chị N đã báo cho gia đình cùng đến Công an phường B, thành phố B trình báo sự việc. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Công an phường B, thành phố B đã đến lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang đối với Trần Tuấn N, Nghiêm Văn A, Bùi Trung L, Nguyễn Đức H và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xử lý, còn Nguyễn Văn Đ đã bỏ trốn.

Vật chứng của vụ án:

- Thu giữ tại nhà của Trần Tuấn N 01 bình xịt hơi cay hiệu Nato, 01 dao bấm nhọn dài 15 cm, 01 căn cước công dân và giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn Đ, 01 dây xích bằng kim loại màu trắng dài 1,3m.

- Thu giữ của Trần Tuấn N 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số imei: 353060069170469, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số imei: 353845091906628, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60F2-627.14

- Thu giữ của Bùi Trung L 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số Imei: 355693070675718.

- Thu giữ của Nghiêm Văn A 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro, số imei: 356202090233226.

- Thu giữ của Nguyễn Đức H 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 số Imei 356713057985960

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số: 74/CT-VKSBH ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Trần Tuấn N, Nghiêm Văn A, Bùi Trung L và Nguyễn Đức H về tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”, quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Tuấn N từ 08 (tám) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Trung L từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nghiêm Văn A từ 08 (tám) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu bồi thường.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bình xịt hơi cay hiệu Nato, 01 dao bấm nhọn dài 15cm, 01 dây xích bằng kim loại màu trắng dài 1,3m thu giữ tại nhà của bị cáo Trần Tuấn N.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số Imei: 355693070675718 của bị cáo Bùi Trung L, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro, số imei: 356202090233226 thu giữ của bị cáo Nghiêm Văn A, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 số Imei 356713057985960 thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức H là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Trần Tuấn N 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số imei: 353060069170469, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số imei: 353845091906628, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60F2-627.14 do không liên quan đến việc phạm tội.

Đối với việc bị cáo Trần Tuấn N cho anh Nguyễn Văn Đ vay tiền với lãi suất 100.000 đồng/ngày do chưa đủ căn cứ xử lý về hành vi “Cho vay lãi nặng

trong giao dịch dân sự” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra, xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với việc anh Nguyễn Văn Đ khai trong quá trình đưa anh Đ từ ngã tư Vũng Tàu về nhà bị cáo N, Nguyễn Văn Đ đã chiếm đoạt của anh Đ số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), nhưng hiện Đạt đã bỏ trốn chưa làm việc được nên chưa đủ căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ 01 căn cước công dân và giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn Đ để truy tìm Đ, khi bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với việc các bị cáo Trần Tuấn N, Bùi Trung L, Nghiêm Văn A cùng Nguyễn Văn Đạt đánh anh Đ, do chỉ bị xây xát nhẹ nên anh Đ từ chối giám định thương tích, không yêu cầu khởi tố và không yêu cầu bồi thường dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xem xét xử lý.

Đối với anh Nguyễn Quang H đã điều khiển xe ô tô hiệu Mazda 3, biển số 60A-357.37 chở các bị cáo Bùi Trung L, Nghiêm Văn A cùng Nguyễn Văn Đạt nhưng không biết việc các bị cáo L, A và Đạt bắt giữ anh Nguyễn Văn Đ trái pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo N: Bị cáo rất hối hận về việc bị cáo đã làm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo L: Bị cáo rất hối hận về việc bị cáo đã làm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo A: Bị cáo rất hối hận về việc bị cáo đã làm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: Bị cáo rất hối hận về việc bị cáo đã làm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang, người làm chứng, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/10/2018, các bị cáo Trần Tuấn N, Nghiêm Văn A, Bùi Trung L, Nguyễn Đức H và Nguyễn Văn Đ đã có hành vi bắt, giữ anh Nguyễn Văn Đ trái

pháp luật thì các bị cáo Trần Tuấn N, Nghiêm Văn A, Bùi Trung L, Nguyễn Đức H bị bắt giữ để điều tra, xử lý. Còn Nguyễn Văn Đ bỏ trốn.

Hành vi bị cáo Trần Tuấn N giữ vai trò đầu vụ và cùng các bị cáo Nghiêm Văn A, Bùi Trung L, Nguyễn Đức H và Nguyễn Văn Đ thực hiện hành vi bắt, giữ ông Nguyễn Văn Đ trái pháp luật.

Trong vụ án các bị cáo Nghiêm Văn A và Bùi Trung L và Nguyễn Văn Đ là những người tích cực thực hiện hành vi bắt, giữ ông Nguyễn Văn Đ trái pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đức H là người giúp sức cho các bị cáo Trần Tuấn N, Nghiêm Văn A, Bùi Trung L và Nguyễn Văn Đ thực hiện hành vi bắt, giữ ông Nguyễn Văn Đ trái pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Tuấn N.

- Tình tiết tăng nặng: không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, vợ đã mất năm 2013, có con nhỏ sinh năm 2011. Cha của bị cáo Trần Tuấn N là ông Trần Anh C có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị K được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, chú ruột của bị cáo là ông Trần Minh G được tặng bằng Tổ quốc ghi công đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ông Trần Ngọc Q là ông nội bị cáo N được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng nhì, cụ Trần Văn T và cụ Nguyễn Thị T là cụ nội của của bị cáo N được Thủ tướng Chính Phủ tặng bằng khen gia đình có công giúp đỡ kháng chiến trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nghiêm Văn A.

- Tình tiết tăng nặng: Có 01 tiền án chưa được xóa án tích: ngày 18/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện M, thành phố H xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Bùi Trung L.

- Tình tiết tăng nặng: có 02 tiền án chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình

sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngày 04/3/2008, bị Tòa án nhân dân Huyện T, thành phố H xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Cướp tài sản”. Ngày 25/10/2010, bị Tòa án nhân dân Huyện L, thành phố H xử phạt 06 năm tù giam về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án năm 2008, buộc Bùi Trung L chấp hành hình phạt 09 năm tù.

- Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức H.

- Tình tiết tăng nặng: không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bình xịt hơi cay Nato, 01 dao bấm nhọn dài 15cm, 01 dây xích bằng kim loại thu giữ tại nhà của bị cáo Trần Tuấn N.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, Imei: 355693070675718 của bị cáo Bùi Trung L, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro, imei: 356202090233226 thu giữ của bị cáo Nghiêm Văn A, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, Imei 356713057985960 của bị cáo Nguyễn Đức H là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Trần Tuấn N: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, Imei: 353060069170469, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, Imei: 353845091906628, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60F2-627.14 do không liên quan đến việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Tuấn N, Nghiêm Văn A, Bùi Trung L và Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đối với việc bị cáo Trần Tuấn N cho anh Nguyễn Văn Đ vay tiền với lãi suất 100.000 đồng/ngày do chưa đủ căn cứ xử lý về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra, xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[11] Đối với việc anh Nguyễn Văn Đ khai trong quá trình đưa anh Đ từ ngã tư Vũng Tàu về nhà bị cáo N, Nguyễn Văn Đ đã chiếm đoạt của anh Đ số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), nhưng hiện Đạt đã bỏ trốn chưa làm việc được nên chưa đủ căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ 01 căn cước công dân và giấy phép lái xe mang tên

Nguyễn Văn Đ để truy tìm Đ, khi bắt được sẽ xử lý sau.

[12] Đối với việc các bị cáo Trần Tuấn N, Bùi Trung L, Nghiêm Văn A cùng Nguyễn Văn Đạt đánh anh Đ, do chỉ bị xây xát nhẹ nên anh Đ từ chối giám định thương tích, không yêu cầu khởi tố và không yêu cầu bồi thường dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xem xét xử lý.

[13] Đối với anh Nguyễn Quang H đã điều khiển xe ô tô hiệu Mazda 3, biển số 60A-357.37 chở các bị cáo Bùi Trung L, Nghiêm Văn A cùng Nguyễn Văn Đ nhưng không biết việc các bị cáo L, A và Đ bắt giữ anh Nguyễn Văn Đ trái pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Tuấn N, Bùi Trung L, Nghiêm Văn A và Nguyễn Đức H, phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn N 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Trung L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2018.

Xử phạt bị cáo Nghiêm Văn A 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2018.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bình xịt hơi cay Nato, 01 dao bấm nhọn dài 15cm, 01 dây xích bằng kim loại thu giữ tại nhà của bị cáo Trần Tuấn N.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, Imei: 355693070675718 của bị cáo Bùi Trung L, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro, imei: 356202090233226 thu giữ của bị cáo Nghiêm Văn A, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, Imei 356713057985960 của bị cáo Nguyễn Đức H là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Trần Tuấn N: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, Imei: 353060069170469, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, Imei: 353845091906628, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60F2-627.14 do không liên quan đến việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Tuấn N, Nghiêm Văn A, Bùi Trung L và Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (4);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

(đã ký)

Trần Thị Kim Dung